

Số: 47/2023/QĐST-HNGĐ

Sông Hình, ngày 27 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Dương Tiến D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Dương Bùi Khánh V, sinh ngày 08/7/1999. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên.

+ Cháu Dương Vương H, sinh ngày 05/5/2003. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên.

+ Công ty TNHH MTV N (Gọi tắt là A1). Trụ sở: Số B đường L, Phường T, Quận B, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện N; Trụ sở: 13 T, thị trấn H huyện S, tỉnh Phú Yên. Do ông Phạm Toàn V1 – Chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật. Do Lê Hoàng A – Chức vụ Giám đốc chi nhánh huyện S làm người đại diện theo văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của ông Phạm Toàn V1.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 110, 116, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên

bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Dương Tiến D** và chị **Bùi Thị C**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: Có 02 con chung là **Dương Bùi Khánh V**, sinh ngày 08/7/1999 và **Dương Vương H**, sinh ngày 05/5/2003; Hiện các con đều đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên không có yêu cầu gì.

* *Về tài sản chung*: Các đương sự tự nguyện thoả thuận và yêu cầu Toà án ghi nhận trong quyết định như sau:

2.1. Giao cho chị **Bùi Thị C** được toàn quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 13 diện tích 400m², địa chỉ **Khu phố I, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên**, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 677385 do **UBND huyện S** cấp ngày 17 tháng 5 năm 2007, số vào sổ cấp GCN: H 00034.

2.2. Giao cho anh **Dương Tiến D** được toàn quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại các thửa đất:

- Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 63, diện tích 23.816m², địa chỉ **Buôn K, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 607164 do **UBND huyện S** cấp ngày 31 tháng 10 năm 2012, số vào sổ cấp GCN: CH 00123.

- Thửa đất số 120, tờ bản đồ số 39, diện tích 54.458m², địa chỉ **Buôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 607295 do **UBND huyện S** cấp ngày 11 tháng 10 năm 2012, số vào sổ cấp GCN: CH 00227.

- Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 39, diện tích 9.556m², địa chỉ **Buôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số BĐ 607296 do UBND huyện S cấp ngày 11 tháng 10 năm 2012, số vào sổ cấp GCN: CH 00226.

- Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 34, diện tích 724,3m², địa chỉ Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 616573 do UBND huyện S cấp ngày 07 tháng 01 năm 2016, số vào sổ cấp GCN: CH 10195.

- Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 2, diện tích 360m², địa chỉ Khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 692331 do UBND huyện S cấp ngày 20 tháng 8 năm 2014, số vào sổ cấp GCN: CH 03458.

2.3. Anh Dương Tiến D có các nghĩa vụ về tài sản sau:

- Thối lại cho chị Bùi Thị C số tiền chênh lệch tài sản là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), đã thực hiện xong.

- Trả cho A1 các khoản nợ sau:

+ Khoản nợ vay 600.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay ngày 19/8/2022;

+ Khoản nợ vay 3.100.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng ký ngày 11/8/2022.

- Trường hợp ông Dương Tiến D không trả nợ thì A1 có quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số 04, tờ bản đồ số 02, diện tích 360m², địa chỉ Khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 692331 do UBND huyện S cấp ngày 20 tháng 8 năm 2014, số vào sổ cấp GCN: CH 03458;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 120, 121, tờ bản đồ số 39, diện tích 64.014m², địa chỉ Buôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 607295, 607295 do UBND huyện S cấp ngày 11 tháng 10 năm 2012, số vào sổ cấp GCN: CH 00227, CH 00226.

+ Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì anh **Dương Tiến D** có nghĩa vụ trả cho **A1** đến khi hết nợ.

+ Trường hợp có tài sản trên đất thì thực hiện theo quy định tại điều 325 Bộ luật dân sự 2015.

2.4. Đối với các tài sản khác hiện do ai quản lý sử dụng thì thuộc quyền sở hữu của người đó, đối với các khoản nợ anh **Dương Tiến D** tự đứng tên vay mà không có chữ ký của chị **Bùi Thị C** là nợ riêng của anh **Dương Tiến D**.

* *Về án phí:* Anh **Dương Tiến D** tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn là 150.000 đồng, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001435 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình; Trả lại cho anh **Dương Tiến D** số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hình (02);
- THADS huyện Sông Hình;
- UBND thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Bùi Lưu Chúc